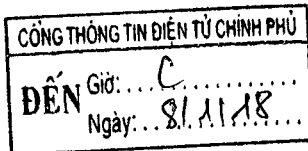


CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 01 năm 2018



NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Đài Tiếng nói Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ, là đài phát thanh quốc gia thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình phát thanh và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

2. Đài Tiếng nói Việt Nam có tên viết tắt tiếng Việt là TNVN; tên giao dịch quốc tế tiếng Anh là Voice of Vietnam, viết tắt là VOV.

3. Đài Tiếng nói Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về báo chí, phát thanh, truyền hình.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, các chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, các dự án quan trọng của Đài Tiếng nói Việt Nam và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng, trình cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia; ban hành tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, thời lượng phát sóng hàng ngày trên các kênh chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam, phạm vi phủ sóng, phạm vi tác động thông tin đối nội và đối ngoại theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch, các chương trình, kế hoạch phát triển của hệ thống phát thanh, truyền hình Việt Nam.

5. Tổ chức sản xuất, truyền dẫn, phát sóng, phát hành, lưu trữ các chương trình phát thanh, truyền hình, báo điện tử, báo in theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý, quyết định các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; tham gia thẩm định các đề án, dự án quan trọng thuộc chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

7. Quản lý trực tiếp hệ thống kỹ thuật chuyên dùng của Đài Tiếng nói Việt Nam để sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu và phát sóng chương trình, kênh chương trình trong nước và ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức, chỉ đạo việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực phát thanh và truyền thông khác.

9. Thực hiện hợp tác quốc tế về các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế tài chính đặc thù của Đài Tiếng nói Việt Nam để trình Chính phủ phê duyệt.

11. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp do Đài Tiếng nói Việt Nam quyết định thành lập và đối với phần vốn góp tại các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Đài Tiếng nói Việt Nam theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

13. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành phát thanh theo quy định của pháp luật.

14. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng người làm việc; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước được giao ở trong và ngoài nước; điều phối các nguồn tài chính giữa các đơn vị trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

16. Tổ chức các hoạt động cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện chế độ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Thư ký biên tập.
2. Ban Tổ chức cán bộ.
3. Ban Kế hoạch - Tài chính.
4. Ban Hợp tác quốc tế.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng.
7. Ban Thời sự (VOV1).
8. Ban Văn hóa - Xã hội (VOV2).
9. Ban Âm nhạc (VOV3).
10. Ban Dân tộc (VOV4).
11. Ban Đối ngoại (VOV5).
12. Ban Văn học - Nghệ thuật (VOV6).
13. Báo Điện tử VOV (VOV.VN).
14. Báo Tiếng nói Việt Nam (Báo VOV).
15. Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC.
16. Kênh VOV Giao thông (VOVGT).
17. Cơ quan thường trú khu vực Đông Bắc.
18. Cơ quan thường trú khu vực Tây Bắc.
19. Cơ quan thường trú khu vực Miền Trung.
20. Cơ quan thường trú khu vực Tây Nguyên.